

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [TRUNG VĂN CƠ SỞ 3]

Mã học phần: BCH31023 – Số tín chỉ: 04

Dùng cho (các) ngành: Tất cả các ngành (môn tự chọn)

Điều kiện tiên quyết (nếu có): Trung văn cơ sở 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

1. Mô tả chung về học phần

a. Học phần Tiếng Trung cơ sở 3 là phần nối tiếp của hai học phần bắt buộc là Trung văn cơ sở 1, Trung văn cơ sở 2. Sinh viên được trang bị thêm từ vựng và ngữ pháp cơ bản nhằm tăng cường khả năng diễn đạt câu dài, đoạn văn cũng như khả năng giao tiếp, phản xạ với các chủ đề Đời sống thường ngày như Gọi điện thoại, Hoạt động vui chơi và rèn luyện thể thao ngoài giờ học, Kế hoạch, Quá trình học tập, Cuộc sống nơi ở mới... ở mức độ đơn giản.

b. Sinh viên trang bị kiến thức ngữ pháp ở mức độ khó hơn, làm quen và sử dụng được nhiều hiện tượng ngữ pháp cơ bản như: hành động đang diễn ra, động từ hai tân ngữ, câu liên động, động từ lặp lại, câu vị ngữ danh từ, từ thời gian, câu kiêm ngữ, phương vị từ, động từ năng nguyện..

c. Kết thúc học phần Sinh viên có thể đạt trình độ giao tiếp cơ bản, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, A4, B1, B2, B3, B4, C2, C3.

d. Sinh viên được bổ sung thêm thường thức về văn hóa, lịch sử, địa lý Trung Quốc qua các bài học liên quan.

e. Với đặc tính kế thừa, khi nắm vững kiến thức Học phần 3, sinh viên chủ động hơn trong tự học và tiếp thu kiến thức mới trong học phần 4.

Mục tiêu cụ thể được xác định như sau:

Mục tiêu	Mô tả
G1	Sinh viên được trang bị kiến thức tổng hợp về từ vựng, ngữ pháp, chủ điểm giao tiếp, văn hóa, lịch sử... ở mức độ cao hơn
G2	Sinh viên chủ động trong giao tiếp và phản xạ nhanh hơn với các chủ điểm quen thuộc
G3	Sinh viên có thể đạt trình độ giao tiếp cơ bản

2. Các chữ viết tắt: Không

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a2	Vận dụng kiến thức đã học về lý thuyết và thực hành tiếng Trung vào giao tiếp đời sống thông thường và tại nơi làm việc.
b2	Vận dụng kỹ năng tin học cơ bản và kỹ năng thuyết trình để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tương ứng với chuyên ngành đã chọn
c2	Thể hiện năng lực làm việc độc lập

4. Giáo trình và tài liệu học tập

4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:

- 《汉语教程》（修订本）第一册（下），对外汉语本科系列教材，北京语言大学出版社，2008年。

4.2. Tài liệu tham khảo:

- 《汉语听力教程》（修订本）第一册，对外汉语本科系列教程，北京语言大学出版社，2007年。
- 《汉语阅读教程》（修订本）第一册，对外汉语本科系列教程，北京语言大学出版社，2008年。
- Bài tập tiếng Trung, Tập I, Biên soạn: Ths Đinh Thị Thanh Bình, Khoa Ngoại Ngữ
- Ngữ pháp tiếng Hán, Tập I, Biên soạn: Ths Hồ Thị Thu Trang, Khoa Ngoại Ngữ
- Nghe, Tập I, Biên soạn: Ths Lê Thị Thu Hoài, Khoa Ngoại Ngữ
- Nói, Tập I, Biên soạn: Ths Đinh Thị Thanh Bình, Khoa Ngoại Ngữ - ĐHDL Hải Phòng.
- Đọc, Tập I, Biên soạn: Ths Hồ Thị Thu Trang, Khoa Ngoại Ngữ - ĐHDL Hải Phòng.

5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Đi học và làm bài đầy đủ
- Có ý thức tự học và chủ động trong học tập

6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
第十七课: 他在做什么呢? 1.1 生词 1.2 课文一: 他在做什么呢? 1.3 课文二: 谁教你们语法 1.4 语法一: 动作的进行 1.5 语法二: 双宾语句 1.6 询问方式: 怎么 1.7 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về các hoạt động thực tế đang diễn ra trên lớp Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống hoặc đi thực tế trong khuôn viên trường và thực hành Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới (từ mới và ngữ pháp) và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第十八课: 我去邮局寄包裹 1.1 生词 1.2 课文一: 我去邮局寄包裹 1.3 课文二: 外贸代表团明天去上海参观	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về mục đích hoạt động, có sử dụng câu liên động Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan mục đích và phương thức	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2

1.4 语法一：连动句 1.5 听力、阅读练习	Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp				
第十九课：可以试试吗 1.1 生词 1.2 课文一：可以试试 吗？ 1.3 课文二：便宜一点儿 吧 1.4 语法一：动词重叠 1.5 语法二：又..又 1.6 语法三：一点儿/有点 儿 1.7 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên với ngữ cảnh giả định Trong shop quần áo Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống khi lựa chọn, lí do khi từ chối mua, thủ thuật mua hàng giá rẻ.. Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第二十课：祝你生日快乐 1.1 生词 1.2 课文一：你哪年大学 毕业？ 1.3 课文二：祝你生日快 乐 1.4 语法一：名词谓语句 1.5 语法二：年、月、日 1.6 语法三：疑问语调 1.7 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về một sinh nhật của 1 người trong lớp, trong gia đình Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan ngày sinh, năm sinh, con giáp và các hoạt động tổ chức chúc mừng sinh nhật, có đối chiếu sinh nhật khi còn nhỏ và hiện tại, sinh nhật người Phương Tây và Phương Đông... Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
Ôn tập 1				4	
Đánh giá 1: 25% [Bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận]	Bài test kiến thức tổng hợp (từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu, nghe hiểu...)	2			a2
第二十一课：我们明天七 点一刻出发 1.1 生词 1.2 课文一：我的一天 1.3 课文二：明天早上七 点一刻出发 1.4 语法一：时间的表达 1.5 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về thời điểm của một số hoạt động hàng ngày. Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan thời gian/ thời điểm như hẹn hò, kế hoạch đi chơi, đi học, thời khóa biểu, thời gian biểu cá nhân Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第二十二课：我打算请老	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo	7	- chuẩn bị trước bài mới	4	a2, b2, c2

师教我京剧 1.1 生词 1.2 课文一: 1.3 兼语句 1.4 听力、阅读练习	viên liên quan dự định trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan câu kiêm ngữ, dự định, đặc biệt bổ sung một số cách trả lời. Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp		và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa		
第二十三课: 学校里边有邮局吗? 1.1 生词 1.2 课文一: 学校里边有邮局吗? 1.3 课文二: 从这儿到博物馆有多远 1.4 语法一: 方位词 1.5 语法二: 存在的表达 1.6 语法三: 介词 1.7 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về vị trí đồ vật trong lớp học, đồ vật cá nhân Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống phương hướng vị trí, áp dụng vào hỏi đường, chỉ đường, sự tồn tại.. Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
第二十四课: 我想学太极拳 1.1 生词 1.2 课文一: 我想学太极拳 1.3 课文二: 您能不能再说一遍 1.4 语法一: 能愿动词 1.5 语法二: 询问原因 1.6 听力、阅读练习	Nghe giảng Hỏi đáp tương tác cùng giáo viên về ước mơ, mong muốn, kế hoạch thông qua động từ năng nguyện Thực hành đặt câu với từ vựng, xử lý tình huống liên quan dự định học tập, các hoạt động mong muốn làm.. Hội thoại theo nhóm hoặc Tự thuật bài khóa Làm bài tập trên lớp	7	- chuẩn bị trước bài mới và chủ động nêu câu hỏi - luyện đọc nhiều lần từ mới và bài khóa	4	a2, b2, c2
Ôn tập 2				4	
Đánh giá 2: 25% (Bài thuyết trình chủ đề)	Sinh viên chuẩn bị độc lập nội dung về 1 chủ đề và thuyết trình trước lớp	2			a2, b2, c2
Tổng số tiết/giờ học		60		40	
Đánh giá 3: 50% (Thi cuối kỳ)	Sinh viên làm độc lập một bài thi tự luận kiến thức tổng hợp từ bài 17 đến bài 24 (từ vựng, ngữ pháp, viết đoạn..)				a2, c2

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra		
			a2	b2	c2
Quá trình	ĐG1. Bài test tổng hợp	25%	x		
	ĐG2. Thuyết trình chủ đề	25%	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	x		x
<i>Tổng cộng:</i>		100%			

8.1 - Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a2

Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Bài thi tổng hợp kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, tình huống giao tiếp, viết đoạn...
- Mô tả bài đánh giá:
- + Bài gồm các dạng trắc nghiệm và tự luận: từ vựng (ngữ âm, chữ Hán), ngữ pháp (chọn vị trí đúng cho từ trong ngoặc, chọn câu có trật tự từ đúng), đọc hiểu (chọn đáp án đúng cho câu hỏi), nghe hiểu (chọn đáp án đúng cho câu hỏi)... trong phạm vi từ bài 17 đến bài 20, thời gian làm bài 60 phút, không sử dụng tài liệu, điện thoại..

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2: Nhớ và vận dụng được kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng viết câu, viết đoạn trong phạm vi chủ đề giao tiếp	Sinh viên hiểu rất rõ kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được gần như tuyệt đối từ vựng đã học, nhớ chính xác các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt tốt trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ khá và giỏi, phân tích tốt các lỗi sai cơ bản. Ứng dụng tốt các kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	Sinh viên hiểu tương đối rõ kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được gần như phần lớn từ vựng đã học, nắm được các hiện tượng ngữ pháp thường dùng được đề cập, có tư duy diễn đạt khá trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ khá, phân tích được phần lớn các lỗi sai cơ bản. Ứng dụng tương đối tốt các kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao	Sinh viên hiểu nhưng chỉ nhớ tương đối kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được quá bán từ vựng đã học, nắm được phần lớn các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt trung bình khá trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ trung bình khá, phân tích được một số các lỗi sai cơ bản. Chỉ ứng dụng được 50% lượng kiến thức có	Sinh viên không hiểu hết và chỉ nhớ tương đối kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được chưa đến một nửa lượng từ vựng đã học, nắm được phần lớn các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt trung bình trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ trung bình, phân tích được một số các lỗi sai cơ bản. Chỉ ứng dụng được 50% lượng kiến thức có	Sinh viên không hiểu hết và chỉ nhớ số lượng ít kiến thức tổng hợp ở các bài đã học, có thể nhớ được lượng từ vựng đã học ở mức trung bình, chỉ nắm được rất ít kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp được đề cập, có tư duy diễn đạt dưới mức trung bình trong viết đoạn bằng tiếng Trung, khả năng đọc hiểu hội thoại ngắn, đoạn văn ngắn mức độ rất hạn chế, không phân tích được một số các lỗi sai cơ bản. Chỉ ứng

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
		tiếp cơ bản hàng ngày.	bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.	dụng được dưới 50% lượng kiến thức cơ bản vào xử lý những chủ điểm giao tiếp cơ bản hàng ngày.

8.2 Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a2, b2, c2

- Tỷ lệ **25%** điểm học phần
- Hình thức đánh giá: Thuyết trình
- Mô tả bài đánh giá:
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a2: Nhớ và vận dụng được kiến thức đã học vào giao tiếp và thuyết trình chủ điểm	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi một cách xuất sắc và sáng tạo, sinh viên tận dụng được tối đa từ vựng và ngữ pháp đã học một cách chủ động và tự tin, phát sinh dưới 10 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi tương đối tốt, sinh viên tận dụng được gần như tối đa từ vựng và ngữ pháp đã học một cách tương đối chủ động và tự tin, phát sinh dưới 15 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi ở mức độ khá, sinh viên tận dụng được phần lớn từ vựng và ngữ pháp đã học một chủ động và độ khá, phát sinh dưới 20 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi ở mức độ trung bình khá, sinh viên tận dụng được phần lớn từ vựng và ngữ pháp đã học một chủ động và tự tin ở mức độ trung bình khá, phát sinh trên 20 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.	Nội dung bài thuyết trình sử dụng kiến thức cơ bản trong phạm vi ở mức độ dưới trung bình, sinh viên tận dụng được lượng ít từ vựng và ngữ pháp đã học không thật chủ động và tự tin. Phát sinh trên 20 từ mới và 1 số hiện tượng ngữ pháp mới.
b2 : vận dụng kỹ năng tin học cơ bản và kỹ năng	Bài ppt được trình bày khoa học, sáng tạo, các	Bài ppt được trình bày tương đối khoa học,	Bài ppt được trình bày về cơ bản là khoa học,	Bài ppt được trình bày còn đơn điệu, thiếu tính	Bài ppt được trình bày rất đơn điệu, gần như không sử

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
nói trước đám đông vào bài thuyết trình	hiệu ứng phát huy tốt hiệu quả bài thuyết trình. Sinh viên sử dụng thành thạo thiết bị và thuyết trình không nhìn văn bản	sáng tạo, các hiệu ứng phát huy khá tốt hiệu quả bài thuyết trình. Sinh viên sử dụng tương đối thành thạo thiết bị và thuyết trình đôi lúc nhìn văn bản	nhưng chưa thật sáng tạo, một số hiệu ứng chưa phát huy hết tính năng khiến bài thuyết trình chưa đạt hiệu quả. Sinh viên sử dụng chưa thật thành thạo thiết bị và thuyết trình còn khá phụ thuộc văn bản	sáng tạo, nhiều nội dung trong ppt chưa sử dụng hiệu ứng nên chưa phát huy hết hiệu quả. Sinh viên rất lúng túng trong sử dụng thiết bị và phụ thuộc văn bản.	dụng các hiệu ứng trong các slides, thiếu tính sáng tạo. Sinh viên rất lúng túng trong sử dụng thiết bị và phụ thuộc văn bản.
c3: thể hiện năng lực làm việc độc lập	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chính xác, đầy đủ	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chính xác, tương đối đầy đủ	Thể hiện khả năng thu thập thông tin tương đối chính xác, tương đối đầy đủ	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chưa đầy đủ nội dung còn sơ sài	Thể hiện khả năng thu thập thông tin chưa đầy đủ nội dung còn sơ sài, thậm chí thiếu chính xác.

Kết quả đánh giá chung:

8.3. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập = (Bài đánh giá 1 x 0.25 + bài đánh giá 2 x 0.25 + Bài thi hết môn x 0.5)

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Trang thiết bị, phương tiện dạy học sinh viên cần dùng trên lớp: Hệ thống nghe – nhìn, bao gồm: máy chiếu projector, loa đài

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Trong quá trình dạy/học, giảng viên và sinh viên cần chú ý về an toàn khi sử dụng điện.

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 20...
Người biên soạn